

*Minh*  
*Quang*

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:1846 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 19 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 647/QĐ-BXD ngày 04/5/2026 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng; Quyết định số 648/QĐ-BXD ngày 04/5/2026 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng và lĩnh vực Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng và Quyết định số 651/QĐ-BXD ngày 05/5/2026 của Bộ Xây dựng về việc công bố*

*thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại các Tờ trình: số 152/TTr-SXD, số 153/TTr-SXD và số 154/TTr-SXD ngày 11/5/2026.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong các lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa, Quản lý chất lượng công trình xây dựng và lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng, cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung: 31 thủ tục hành chính. Nội dung thủ tục hành chính được công bố tại các Quyết định số 647/QĐ-BXD ngày 04/5/2026 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa; Quyết định số 648/QĐ-BXD ngày 04/5/2026 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng và lĩnh vực Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và Quyết định số 651/QĐ-BXD ngày 05/5/2026 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng (*Chi tiết, tại Phụ lục I đính kèm*).

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ: 07 thủ tục hành chính (*Chi tiết, tại Phụ lục II đính kèm*)

## **Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp nội dung thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu để niêm yết công khai, hướng dẫn tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định. Xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (nếu có) trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan cập nhật nội dung thủ tục hành chính trên

Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính đảm bảo kịp thời, đầy đủ, đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Xây dựng Nông nghiệp và Môi trường, Công thương; Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - BTP;
- CT, PCT UBND TP H.M.Cường;
- Các PCVP UBND TP;
- Các phòng, đơn vị: TTPVHCCTP, XD&CT;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT. N.T.An.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Minh Cường**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỖI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG**  
(Kèm theo Quyết định số     /QĐ-UBND ngày     /5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**  
**A1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỖI BAN HÀNH**

| STT | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                        | Thời gian giải quyết |                  | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                | Cơ quan thực hiện                             | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                       |                                                                                                                                               | Theo quy định        | Sau khi cắt giảm |                                                                                                                                                   |                                               |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| I   | LĨNH VỰC NHÀ Ở        |                                                                                                                                               |                      |                  |                                                                                                                                                   |                                               |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 1.  |                       | Thủ tục bán, cho thuê mua, cho thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án và không sử dụng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn. | 30 ngày              | 15 ngày          | Trên cơ sở các thông tin về dự án nhà ở xã hội đã được công khai, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ mua nhà ở xã hội cho chủ đầu tư dự án | Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội | Không quy định      | - Luật Nhà ở năm 2023;<br>- Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của |

|  |  |  |  |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|--|--|--|--|--|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  |  |  |  |  |  | <p>Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 32/2025/TT-BXD ngày 10/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;</li> <li>- Thông tư số 08/2026/TT-BXD ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.</li> </ul> |
|--|--|--|--|--|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

## A2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

| STT | Mã thủ<br>tục hành<br>chính | Tên thủ tục hành<br>chính                                                                                            | Thời gian giải quyết |                   | Địa điểm<br>thực hiện                                                                     | Phí/lệ<br>phí (nếu<br>có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                             |                                                                                                                      | Theo quy<br>định     | Sau cắt<br>giảm   |                                                                                           |                           |                                                                                                                                                                                                                                         |
| I   | LĨNH VỰC NHÀ Ở              |                                                                                                                      |                      |                   |                                                                                           |                           |                                                                                                                                                                                                                                         |
| 1.  | 1.012883                    | Thủ tục chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh. | Không quá 30 ngày    | Không quá 15 ngày | - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố.<br><br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công | Không quy định            | - Luật Nhà ở năm 2023;<br>- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;<br>- <i>Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của</i> |

| STT | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                             | Thời gian giải quyết |                    | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                    | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                       |                                                                                                                                                    | Theo quy định        | Sau cắt giảm       |                                                                                                                                                       |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|     |                       |                                                                                                                                                    |                      |                    | cấp xã.                                                                                                                                               |                     | <i>các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 2.  | 1.012884              | Thủ tục thông báo đơn vị đủ điều kiện quản lý vận hành nhà chung cư                                                                                | Không quá 30 ngày    | Không quá 15 ngày  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố.</li> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</li> </ul> | Không quy định      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nhà ở năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;</li> <li>- <i>Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.</i></li> </ul>                                       |
| 3.  | 1.012885              | Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công | Không quá 35 ngày    | Không quá 7,5 ngày | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố.</li> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</li> </ul> | Không quy định      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nhà ở năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 98/2024/NĐ-CP ngày 25/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư;</li> <li>- <i>Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.</i></li> </ul> |

| STT | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                             | Thời gian giải quyết |                   | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                    | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                       |                                                                                                    | Theo quy định        | Sau cắt giảm      |                                                                                                                                                       |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 4.  | 1.012887              | Thủ tục đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở 2023 | Không quá 30 ngày    | Không quá 15 ngày | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố.</li> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</li> </ul> | Không quy định      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nhà ở năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 98/2024/NĐ-CP ngày 25/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư;</li> <li>- <i>Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.</i></li> </ul> |
| 5.  | 1.012890              | Thủ tục gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài                 | Không quá 30 ngày    | Không quá 15 ngày | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố.</li> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</li> </ul> | Không quy định      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nhà ở năm 2023.4/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;</li> <li>- <i>Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.</i></li> </ul>                                                                      |
| 6.  | 1.012892              | Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp                        | Không quá 30 ngày    | Không quá 15 ngày | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố.</li> </ul>                                                      | Không quy định      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nhà ở năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                |

| STT | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                       | Thời gian giải quyết                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                        | Địa điểm thực hiện                                                                                | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                       |                                                                                              | Theo quy định                                                                                                                                                                        | Sau cắt giảm                                                                                                                                                                           |                                                                                                   |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|     |                       | đồng thuê nhà ở                                                                              |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                        | - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.                                                       |                     | - Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.                                                                                                                                      |
| 7.  | 1.012897              | Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở | - Không quá 45 ngày, đối với trường hợp người đang sử dụng nhà ở nhận chuyển quyền thuê nhà ở trước ngày 06 tháng 6 năm 2013 (ngày Nghị định số 34/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành); | - Không quá 22,5 ngày, đối với trường hợp người đang sử dụng nhà ở nhận chuyển quyền thuê nhà ở trước ngày 06 tháng 6 năm 2013 (ngày Nghị định số 34/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành); | - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố.<br><br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. | Không quy định      | - Luật Nhà ở năm 2023;<br>- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;<br>- Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản. |

| STT | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                               | Thời gian giải quyết                                                                                                                       |                                                                                                                                              | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                    | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                       |                                                                                      | Theo quy định                                                                                                                              | Sau cắt giảm                                                                                                                                 |                                                                                                                                                       |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|     |                       |                                                                                      | - Không quá 25 ngày, đối với trường hợp người đang thực tế sử dụng nhà ở là người nhận chuyển quyền thuê nhà ở từ ngày 06 tháng 6 năm 2013 | - Không quá 12,5 ngày, đối với trường hợp người đang thực tế sử dụng nhà ở là người nhận chuyển quyền thuê nhà ở từ ngày 06 tháng 6 năm 2013 |                                                                                                                                                       |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 8.  | 1.012898              | Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê | Không quá 15 ngày                                                                                                                          | Không quá 7,5 ngày                                                                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố.</li> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</li> </ul> | Không quy định      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nhà ở năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;</li> <li>- Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở,</li> </ul> |

| STT | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                       | Thời gian giải quyết                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                            | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                    | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                       |                                                                                              | Theo quy định                                                                                                                                                            | Sau cắt giảm                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                       |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|     |                       |                                                                                              |                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                       |                     | kinh doanh bất động sản.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 9.  | 1.012893              | Thủ tục bán nhà ở cũ thuộc tài sản công                                                      | Không quá 45 ngày                                                                                                                                                        | Không quá 22,5 ngày                                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố.</li> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</li> </ul> | Không quy định      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nhà ở năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;</li> <li>- Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.</li> </ul> |
| 10. | 1.012894              | Thủ tục giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không quá 50 ngày, kể từ ngày đơn vị quản lý vận hành tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Không quá 45 ngày, kể từ</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không quá 25 ngày, kể từ ngày đơn vị quản lý vận hành tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Không quá 22,5 ngày, kể từ</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố.</li> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</li> </ul> | Không quy định      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nhà ở năm 2023.</li> <li>- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;</li> <li>- Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.</li> </ul> |

| STT       | Mã thủ tục hành chính                          | Tên thủ tục hành chính                                                                                                    | Thời gian giải quyết                       |                                            | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                    | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                                                |                                                                                                                           | Theo quy định                              | Sau cắt giảm                               |                                                                                                                                                       |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|           |                                                |                                                                                                                           | ngày Sở Xây dựng tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ | ngày Sở Xây dựng tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ |                                                                                                                                                       |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>II</b> | <b>LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA</b> |                                                                                                                           |                                            |                                            |                                                                                                                                                       |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 11.       | 2.002615                                       | Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa                                                 | 05 ngày làm việc                           | 2,5 ngày làm việc                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố.</li> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</li> </ul> | Không quy định      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ;</li> <li>- <i>Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.</i></li> </ul> |
| 12.       | 2.002616                                       | Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hoá nguy hiểm khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép | 03 ngày làm việc                           | 1,5 ngày làm việc                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố.</li> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính</li> </ul>              | Không quy định      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ;</li> <li>- <i>Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.</i></li> </ul>                                                                    |

| STT | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                        | Thời gian giải quyết                                                                                                      |                                                                                                                            | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                    | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                       |                                                                               | Theo quy định                                                                                                             | Sau cắt giảm                                                                                                               |                                                                                                                                                       |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|     |                       |                                                                               |                                                                                                                           |                                                                                                                            | công cấp xã.                                                                                                                                          |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 13. | 2.002617              | Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm do bị mất, bị hỏng            | 02 ngày làm việc                                                                                                          | 01 ngày làm việc                                                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố.</li> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã</li> </ul>  | Không quy định      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ;</li> <li>- <i>Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.</i></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 14. | 2.001802              | Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển | - 07 ngày làm việc đối với việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển phù hợp cho | - 3,5 ngày làm việc đối với việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển phù hợp cho | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố.</li> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</li> </ul> | Không quy định      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;</li> <li>- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ;</li> <li>- <i>Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.</i></li> </ul> |

| STT | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                   | Thời gian giải quyết                                                                                                                                        |                                                                                                                                                              | Địa điểm thực hiện                                                        | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                             |
|-----|-----------------------|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                       |                                                          | Theo quy định                                                                                                                                               | Sau cắt giảm                                                                                                                                                 |                                                                           |                     |                                                                                                                                                                                                            |
|     |                       |                                                          | chủ đầu tư dự án, công trình;<br>- 03 ngày làm việc đối với việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét cho dự án, công trình nạo vét khẩn cấp | chủ đầu tư dự án, công trình;<br>- 1,5 ngày làm việc đối với việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét cho dự án, công trình nạo vét khẩn cấp |                                                                           |                     |                                                                                                                                                                                                            |
| 15. | 2.002625              | Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ | 07 ngày làm việc                                                                                                                                            | 3,5 ngày làm việc                                                                                                                                            | - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố.<br><br>- Trung tâm Phục vụ | Không quy định      | - Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;<br>- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014; |

| STT | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                             | Thời gian giải quyết |                   | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                    | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|-----------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                       |                                                                    | Theo quy định        | Sau cắt giảm      |                                                                                                                                                       |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |                       |                                                                    |                      |                   | hành chính công cấp xã.                                                                                                                               |                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ;</li> <li>- <i>Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.</i></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 16. | 2.002624              | Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương | 05 ngày làm việc     | 2,5 ngày làm việc | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố.</li> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</li> </ul> | Không quy định      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;</li> <li>- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ;</li> <li>- <i>Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;</i></li> <li>- Quyết định số 202/2025/QĐ-UBND ngày 06/11//2025 của Ủy ban nhân dân thành phố.</li> </ul> |
| 17. | 1.013466              | Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn                                  | 05 ngày làm việc     | 2,5 ngày làm việc | - Trung tâm phục vụ hành chính công                                                                                                                   | Không quy định      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;</li> <li>- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

| STT | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                        | Thời gian giải quyết |                   | Địa điểm thực hiện                                                                   | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|-----------------------|-----------------------------------------------|----------------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                       |                                               | Theo quy định        | Sau cắt giảm      |                                                                                      |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|     |                       |                                               |                      |                   | thành phố.<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.                            |                     | ngày 10/5/2017 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ;<br>- <i>Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;</i><br>- Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền thực hiện một số nội dung thuộc lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân thành phố |
| 18. | 1.013467              | Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động | 03 ngày làm việc     | 1,5 ngày làm việc | - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố.<br><br>- Trung tâm Phục vụ hành chính | Không quy định      | - Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;<br>- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP                                                                                                                                                                                                                                                           |

| STT | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                            | Thời gian giải quyết |                   | Địa điểm thực hiện                                                                                | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                       |                                                                                                                   | Theo quy định        | Sau cắt giảm      |                                                                                                   |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|     |                       |                                                                                                                   |                      |                   | công cấp xã.                                                                                      |                     | ngày 13/01/2026 của Chính phủ;<br>- <i>Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;</i><br>- Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền thực hiện một số nội dung thuộc lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân thành phố. |
| 19. | 1.009464              | Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa                                                                     | 05 ngày làm việc     | 2,5 ngày làm việc | - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố.<br><br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. | Không quy định      | - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ;<br>- Quyết định số 202/2025/QĐ-UBND ngày 06/11//2025 của UBND thành phố;<br>- <i>Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.</i>                                                                                                                       |
| 20. | 1.009463              | Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy | 05 ngày làm việc     | 2,5 ngày làm việc | - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố.<br><br>- Trung tâm                                 | Không quy định      | - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ;<br>- Quyết định số 202/2025/QĐ-UBND ngày 06/11//2025 của UBND thành phố;<br>- <i>Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP</i>                                                                                                                                                     |

| STT | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                        | Thời gian giải quyết |                   | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                    | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                       |                                                                               | Theo quy định        | Sau cắt giảm      |                                                                                                                                                       |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|     |                       | nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa                              |                      |                   | Phục vụ hành chính công cấp xã.                                                                                                                       |                     | <i>ngày 29/4/2026 của Chính phủ.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 21. | 1.009460              | Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng | 13 ngày làm việc     | 6,5 ngày làm việc | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố.</li> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</li> </ul> | Không quy định      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ;</li> <li>- Quyết định số 202/2025/QĐ-UBND ngày 06/11//2025 của UBND thành phố;</li> <li>- <i>Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;</i></li> <li>- Quyết định số 202/2025/QĐ-UBND ngày 06/11//2025 của Ủy ban nhân dân thành phố.</li> </ul> |
| 22. | 1.009456              | Công bố hoạt động cảng thủy nội địa                                           | 04 ngày làm việc     | 02 ngày làm việc  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố.</li> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</li> </ul> | 100.000đ            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- <i>Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.</i></li> </ul>                                                                                       |
| 23. | 1.009459              | Công bố mở luồng chuyên dùng đối với                                          | 10 ngày làm việc     | 05 ngày làm việc  | - Trung tâm phục vụ hành                                                                                                                              | Không quy định      | - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

| STT | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                      | Thời gian giải quyết |                   | Địa điểm thực hiện                                                                                | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                       |                                                                                                                                             | Theo quy định        | Sau cắt giảm      |                                                                                                   |                     |                                                                                                                                                                                                                                  |
|     |                       | luồng địa phương                                                                                                                            |                      |                   | chính công thành phố.<br><br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã                           |                     | - Quyết định số 202/2025/QĐ-UBND ngày 06/11//2025 của UBND thành phố;<br>- <i>Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ</i> ;<br>- Quyết định số 202/2025/QĐ-UBND ngày 06/11//2025 của Ủy ban nhân dân thành phố. |
| 24. | 1.009449              | Công bố hoạt động khu neo đậu                                                                                                               | 05 ngày làm việc     | 2,5 ngày làm việc | - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố.<br><br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. | Không quy định      | - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ;<br>- <i>Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ</i> .                                                                                               |
| 25. | 1.009446              | Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng | 05 ngày làm việc     | 2,5 ngày làm việc | - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố.<br><br>- Trung tâm Phục vụ hành chính              | Không quy định      | - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ;<br>- <i>Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ</i> .                                                                                               |

| STT | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết |              | Địa điểm thực hiện | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|-----------------------|------------------------|----------------------|--------------|--------------------|---------------------|----------------|
|     |                       |                        | Theo quy định        | Sau cắt giảm |                    |                     |                |
|     |                       | thủy nội địa           |                      |              | công cấp xã.       |                     |                |

## B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DÙNG CHUNG

### B1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG DÙNG CHUNG CẤP TỈNH, CẤP XÃ

| STT | Mã thủ<br>tục hành<br>chính | Tên thủ tục hành<br>chính                                                                                                   | Thời gian giải<br>quyết |                          | Địa điểm<br>thực hiện                                                                         | Phí/lệ<br>phí<br>(nếu<br>có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                            | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                             |                                                                                                                             | Theo<br>quy<br>định     | Sau<br>khi cắt<br>giảm   |                                                                                               |                              |                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| I   | LĨNH VỰC NHÀ Ở              |                                                                                                                             |                         |                          |                                                                                               |                              |                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 1.  | 1.014632                    | Thủ tục Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội, vay vốn để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở: | Không<br>quá 07<br>ngày | Không<br>quá 3,5<br>ngày | - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố.<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. | Không<br>quy<br>định         | - Luật Nhà ở năm 2023;<br>- Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.<br>- Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025 | - Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường xác nhận điều kiện về nhà ở để được mua, thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân (trường hợp chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình)<br>- Ủy ban nhân dân cấp |

| STT | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết |                  | Địa điểm thực hiện | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|-----------------------|------------------------|----------------------|------------------|--------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                       |                        | Theo quy định        | Sau khi cắt giảm |                    |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|     |                       |                        |                      |                  |                    |                     | <p>của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội thí điểm về một</p> | <p>xã xác nhận các trường hợp: (1) Xác nhận điều kiện về nhà ở để được mua, thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân (trường hợp có nhà ở nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15m2 sàn/người); (2) Xác nhận điều kiện vay vốn ưu đãi của Nhà nước thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở; (3) Xác nhận điều kiện vay vốn ưu đãi của Nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước chỉ định để hộ gia đình, cá nhân tự xây</p> |

| STT | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết |                  | Địa điểm thực hiện | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-----------------------|------------------------|----------------------|------------------|--------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                       |                        | Theo quy định        | Sau khi cắt giảm |                    |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|     |                       |                        |                      |                  |                    |                     | <p>số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội.</p> <p>- Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.</p> <p>- Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.</p> <p>- Thông tư số 32/2025/TT-BXD ngày 10/11/2025 của Bộ trưởng Bộ</p> | <p>dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở; (4) Xác nhận đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (áp dụng cho các đối tượng quy định tại các khoản 9, 10, 11 Điều 76 của Luật Nhà ở và đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở không có hợp đồng lao động, không được hưởng lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả); (5) Xác nhận đối tượng, thu nhập để được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (áp dụng cho các đối tượng quy định tại các khoản 5, 6, 8 Điều 76 của Luật Nhà ở, trừ đối</p> |

| STT | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết |                  | Địa điểm thực hiện | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|-----------------------|------------------------|----------------------|------------------|--------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                       |                        | Theo quy định        | Sau khi cắt giảm |                    |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|     |                       |                        |                      |                  |                    |                     | <p>Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.</p> <p>- Thông tư số 08/2026/TT-BXD ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực nhà ở.</p> | <p>tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở không có hợp đồng lao động, không được hưởng lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả)</p> <p>- Công an cấp xã nơi thường trú hoặc tạm trú hoặc nơi ở hiện tại: Xác nhận điều kiện về thu nhập để được mua, thuê mua nhà ở xã hội (áp dụng cho đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở không có hợp đồng lao động, không được hưởng lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả)</p> |

**B2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG DÙNG CHUNG CỦA SỞ XÂY DỰNG, SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, SỞ CÔNG THƯƠNG, BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

| ST<br>T | Mã thủ<br>tục hành<br>chính                     | Tên thủ tục hành<br>chính                                                                            | Thời gian giải quyết                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                     | Địa điểm<br>thực hiện                                                                             | Phí/lệ<br>phí<br>(nếu<br>có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|---------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|         |                                                 |                                                                                                      | Theo quy định                                                                                                                                                                                                                                                      | Sau khi cắt<br>giảm                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                   |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| I       | LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG |                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                   |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 1.      | 1.009794                                        | Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương | - Thời hạn 16 ngày làm việc đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt và 12 ngày làm việc đối với công trình còn lại kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu, cơ quan chuyên môn về xây dựng ra thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu | - Thời hạn 10 ngày làm việc đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt và 08 ngày làm việc đối với công trình còn lại kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu, cơ quan chuyên môn về xây dựng ra thông báo kết quả kiểm tra công | - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.<br><br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. | Không quy định               | - Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;<br>- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 10/2021/NĐ-CP |

| ST<br>T | Mã thủ<br>tục hành<br>chính | Tên thủ tục hành<br>chính | Thời gian giải quyết                                         |                                                                                | Địa điểm<br>thực hiện | Phí/lệ<br>phí (nếu<br>có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                           |
|---------|-----------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|         |                             |                           | Theo quy định                                                | Sau khi cắt<br>giảm                                                            |                       |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|         |                             |                           | hoàn thành hạng<br>mục công trình,<br>công trình xây<br>dựng | tác nghiệm thu<br>hoàn thành<br>hạng mục công<br>trình, công<br>trình xây dựng |                       |                           | ngày 25/8/2021 của Bộ Xây<br>dựng;<br>- Quyết định số 152/2025/QĐ-<br>UBND ngày 09/9/2025<br>UBND thành phố Hải Phòng;<br>- Quyết định số 648/QĐ-BXD<br>ngày 04/5/2026 của Bộ Xây<br>dựng;<br>- <i>Nghị quyết số 24/2026/NQ<br/>CP ngày 29/4/2026 của Chính<br/>phủ.</i> |

### C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

#### C1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA, BỔ SUNG

| STT | Mã thủ<br>tục hành<br>chính             | Tên thủ tục<br>hành chính                                          | Thời gian giải quyết                                                                  |                                                                                          | Địa điểm<br>thực hiện                                             | Phí/lệ<br>phí (nếu<br>có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                       |
|-----|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                         |                                                                    | Theo quy định                                                                         | Sau khi cắt giảm                                                                         |                                                                   |                           |                                                                                                                                      |
| I   | LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA |                                                                    |                                                                                       |                                                                                          |                                                                   |                           |                                                                                                                                      |
| 1.  | 1.009452                                | Thỏa thuận<br>thông số kỹ<br>thuật xây<br>dựng bến<br>thủy nội địa | - Đối với bến<br>thủy nội trên<br>đường thủy nội<br>địa quốc gia (02<br>ngày làm việc | - Đối với bến<br>thủy nội trên<br>đường thủy nội<br>địa quốc gia (01<br>ngày làm việc kể | Trung tâm<br>phục vụ hành<br>chính công<br>cấp xã.<br>- Trung tâm | Không<br>quy định         | - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP<br>ngày 28/01/2021 của Chính<br>phủ;<br>- <i>Nghị quyết 24/2026/NQ-CP<br/>ngày 29/04/2026 của Chính</i> |

| STT | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                    | Thời gian giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Địa điểm thực hiện                        | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                   |
|-----|-----------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                       |                                           | Theo quy định                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Sau khi cắt giảm                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                           |                     |                                                                                                  |
|     |                       |                                           | kể từ khi nhận được văn bản tham vấn của Chi cục)<br>- Đối với bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Cảng vụ hàng hải khu vực);<br>- Đối với bến thủy nội địa trên tuyến đường nội địa phương: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ | từ khi nhận được văn bản tham vấn của Chi cục)<br>- Đối với bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển: 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Cảng vụ hàng hải khu vực);<br>- Đối với bến thủy nội địa trên tuyến đường nội địa phương: 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ | Phục vụ hành chính công thành phố.        |                     | <i>phủ;</i><br>- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.                       |
| 2.  | 1.009453              | Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến | 05 ngày làm việc                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2,5 ngày làm việc                                                                                                                                                                                                                                                                             | Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã. | Không quy định      | - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ;<br>- <i>Nghị quyết 24/2026/NQ-CP</i> |

| STT | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                     | Thời gian giải quyết |                   | Địa điểm thực hiện                                                                            | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                       |                                                                                            | Theo quy định        | Sau khi cắt giảm  |                                                                                               |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|     |                       | khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính                       |                      |                   | - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.                                                |                     | <i>ngày 29/04/2026 của Chính phủ;</i><br>- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;                                                                                                                                                                 |
| 3.  | 1.009455              | Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính | 05 ngày làm việc     | 2,5 ngày làm việc | - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. | 100.000đ            | - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ;<br>- Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. |

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG**  
(Kèm theo Quyết định số            /QĐ-UBND ngày    /5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

| STT       | Mã thủ tục hành chính                                  | Tên thủ tục hành chính                                                                                                | Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ                                                                                                                                                                                                |
|-----------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA</b>         |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                    |
| 1         | 1.000940                                               | Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động                                                                    | Nghị quyết số 24/2026/NQ CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng   |
| 2         | 1.007949                                               | Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động                                                                |                                                                                                                                                                                                                                    |
| 3         | 1.000892                                               | Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                    |
| 4         | 2.000378                                               | Cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ                                                             |                                                                                                                                                                                                                                    |
| 5         | 1.009445                                               | Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa                                                          |                                                                                                                                                                                                                                    |
| 6         | 2.001998                                               | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa |                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>II</b> | <b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG</b> |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                    |
| 1         | 1.009788                                               | Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn thành phố              | - Nghị quyết số 24/2026/NQ CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng |